TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 5 - 2025
"V/v *ly hôn, nuôi con chung giữa chị G và anh Q"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Đinh Thế Cần;

2.Bà Nguyễn Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Vũ Quỳnh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 31/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025, về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Qết định hoãn phiên toà số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn**:** Chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1985

- Bị đơn: Anh Vũ Hồng Q, sinh năm 1976

Cùng nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt chị G, vắng mặt anh Q)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng G trình bày**:**

Chị và anh Vũ Hồng Q tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N vào ngày 22/11/2002. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống tại gia đình anh Q. Quá trình chung sống đến tháng 8/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, anh Q thường xuyên say rượu, từ đó dẫn đến không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ, con. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 4/2024 thì vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không còn, chị xin ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Vũ Hồng Q có 02 con chung là Vũ Hồng Psinh ngày 03/12/2004 và Vũ Hồng H sinh ngày 12/02/2008. Ly hôn, con Phúc đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng, chị nhận trách nhiệm nuôi dưỡng con H, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Hiện tại, chị làm công nhân thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2025 bị đơn anh Vũ Hồng Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị Hồng G đã trình bày là đúng. Theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì, hiện tại vợ chồng đã ly thân. Nay chị G có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị G vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn nhưng chị G một mực xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng G có 02 con chung như chị G đã trình bày. Ly hôn, con Vũ Hồng P sinh ngày 03/12/2004 đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng, anh nhận trách nhiệm nuôi con Vũ Hồng H sinh ngày 12/02/2008, anh không yêu cầu chị G cấp dưỡng cho con.

Hiện tại, anh lao động tự do, thu nhập không ổn định.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải Qết.

Kết quả xác minh với cơ sở Thôn B, xã N thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Vũ Hồng Q là vợ chồng. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, cơ sở thôn không nắm rõ, chỉ biết do anh Q nghiện rượu, hiện tại vợ chồng đã ly thân. Nay chị G có đơn xin ly hôn anh Q cơ sở thôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị G và anh Q có 02 con chung là Vũ Hồng P sinh ngày 03/12/2004 và Vũ Hồng H sinh ngày 12/02/2008. Ly hôn, cháu P đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng, việc nuôi dưỡng cháu Hậu đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản: cơ sở thôn không nắm rõ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình về giải Qết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng G được ly hôn anh Vũ Hồng Q; Về nuôi con chung: Con chung Vũ Hồng Psinh ngày 03/12/2004 đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Hồng H sinh ngày 12/02/2008 cho chị Nguyễn Thị Hồng G trực tiếp nuôi dưỡng, chị G không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con; Về tài sản: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị G phải chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng G khởi kiện ly hôn và nuôi con chung với anh Vũ Hồng Q. Do anh Q là bị đơn cư trú Thôn B, xã N, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Q, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Q đã được Toà án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với Q định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Vũ Hồng Q là vợ chồng, được Uỷ ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 22/11/2002 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 8/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 4/2024, thì vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị G xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không còn, chị xin ly hôn anh Q, còn anh Q xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị G vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị G một mực xin ly hôn thì anh cũng nhất trí. Tòa án đã ấn định thời gian hòa giải nhưng anh Q không có mặt, anh Q không có thiện chí hòa giải. Mặt khác thời vợ chồng vẫn ly thân, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của chị G, anh Q thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị G được ly hôn anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Vũ Hồng Q có 02 con chung là Vũ Hồng P sinh ngày 03/12/2004 và Vũ Hồng H sinh ngày 12/02/2008, đã nghỉ học. Ly hôn, con P đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Ly hôn, cả chị G và anh Q đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con H và không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị G, anh Q là chính đáng. Tuy nhiên, chị G có điều kiện nuôi con tốt hơn, con H có nguyện vọng trực tiếp ở với mẹ, do đó cần giao con chung Vũ Hồng H cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chị G không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con là đáp ứng được nguyện vọng của đương sự, của con chung và phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Vũ Hồng Q không yêu cầu Toà án giải Qết nên về tài sản Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Q định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị Qết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về Qền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Vũ Hồng Q có Qền kháng cáo bản án theo Q định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị Qết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng G được ly hôn anh Vũ Hồng Q.

2.Về nuôi con chung: Con chung Vũ Hồng P sinh ngày 03/12/2004 đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Xử giao con chung Vũ Hồng H sinh ngày 12/02/2008 cho chị Nguyễn Thị Hồng G trực tiếp nuôi dưỡng, chị G không yêu cầu anh Nguyễn Hồng Q cấp dưỡng cho con. Anh Q có quyền đi lại thăm nom và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị G, anh Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3.Về tài sản: Hội đồng xét xử không giải Qết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng G phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng chị G đã nộp theo biên

lai thu số 0000539 ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q được chuyển thành tiền án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng G có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Vũ Hồng Q vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Q;*
- *Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;*
- *Nơi ĐKKH: UBND xã N;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên